

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 97/2023/DS-ST.

Ngày: 02-8-2023.

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Đỗ Thị Mộng Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Thanh Tuyền.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan.

- Thư ký phiên tòa: ông Phan Thành Trung – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 02 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 351/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2023/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1969.

Địa chỉ: 217, ấp L, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: 375, ấp P A (Ấp 3), xã Đ, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa, bà L và ông H vắng mặt (bà L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản khai, đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thùy L trình bày:

Vào ngày 06/9/2021 âm lịch, ông H có đến nhà bà và mượn bà số tiền 202.220.000 đồng (hai trăm lẻ hai triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng), lãi suất 1,5%/tháng, lý do để kinh doanh cây gỗ. Ông H hứa đến cuối năm 2021 sẽ trả đủ cho bà số tiền nêu trên nhưng đến nay ông H không trả tiền và không đóng lãi cho bà. Khi ông H mượn số tiền nêu trên, ông H có viết “Biên nhận”, ký tên, ghi rõ họ tên. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H có nghĩa vụ trả cho bà số tiền là 202.220.000 đồng (hai trăm lẻ hai triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng), bà không yêu

cầu tình lãi. Ngoài số tiền này, ông H không còn nợ bà số tiền nào khác. Địa chỉ của ông H là Ấp 3, xã Đ, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Do bà bận việc gia đình nên không đến tham gia phiên tòa được nên bà đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà.

Tại bản tự khai, bị đơn là ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông có mượn tiền bà L nhưng không đúng số tiền như bà L yêu cầu. Bà L cho rằng ông mượn bà L số tiền 202.220.000 đồng (hai trăm lẻ hai triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng) là không có căn cứ vì ông không có mượn số tiền này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Thùy L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm giải quyết buộc ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ trả cho bà số tiền mượn là 202.220.000 đồng (hai trăm lẻ hai triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng). Căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự, việc mượn tiền giữa các bên là hợp đồng vay tài sản. Ông H là bị đơn trong vụ án cư trú tại xã Đ, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Bà L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ theo quy định tại các khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà L, ông H.

[2] Về nội dung:

Bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm giải quyết buộc ông H có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 202.220.000 đồng (hai trăm lẻ hai triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng). Căn cứ bà L khởi kiện là “Biên nhận” ngày 06/9/2021 âm lịch, nội dung ông Nguyễn Văn H có vay bà L số tiền 202.220.000 đồng (hai trăm lẻ hai triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng), lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay đến hết năm 2021 trả đủ.

Với yêu cầu và căn cứ khởi kiện của bà L, ông H cho rằng ông có vay tiền bà L nhưng không phải số tiền 202.220.000 đồng (hai trăm lẻ hai triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng). Tòa án đã mời ông H tham gia đối chất vào các ngày 21/4/2023, 12/5/2023 nhưng ông H vắng mặt, không tham gia. Ngày 26/5/2023, ông H có đơn yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết “Nguyễn Văn H” trong “Biên nhận” nêu trên. Ông H cung cấp mẫu chữ ký, chữ viết cho Tòa án và giao nộp các tài liệu, chứng cứ có chứa chữ ký, chữ viết của ông H gồm: Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất ngày 30/6/2020 giữa “Bên cho thuê” là ông Nguyễn Văn Điệp, bà Phạm Thị Phên, “Bên thuê” là ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Thu Hiền; đơn xin xác nhận ngày 12/6/2018; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 10/3/2021 giữa “Bên chuyển nhượng” là ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Thu Hiền, “Bên nhận chuyển nhượng” là ông Phạm H Lý. Tuy nhiên, ông H không nộp tạm ứng chi phí tố tụng (chi phí giám định chữ ký) cho Tòa án. Ngày 12/7/2023, Tòa án mời ông H làm

việc để xác định ông H có yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết và có nộp tạm ứng chi phí tố tụng hay không nhưng ông H bỏ mặc không đến. Như vậy xem như ông H không còn yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết. Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

Căn cứ “Biên nhận” ngày 06/9/2021 âm lịch, xét thấy, ngày 06/9/2021 âm lịch, ông H vay bà L số tiền là 202.220.000 đồng (hai trăm lẻ hai triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng), thời hạn trả đến hết năm 2021, lãi suất là 1,5%/tháng, ông H có ký tên và ghi rõ họ tên. Đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi. Mặc dù ông H không thừa nhận có nợ bà L số tiền này nhưng ông H thừa nhận có nợ tiền của bà L và ông H không có chứng cứ chứng minh yêu cầu khởi kiện của bà L là không có căn cứ. Do đến hạn trả tiền, ông H không trả tiền cho bà L là vi phạm nghĩa vụ của bên vay nên bà L khởi kiện yêu cầu ông H trả số tiền trên là có căn cứ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về tiền lãi: do bà L không yêu cầu ông H có nghĩa vụ trả lãi đối với số tiền nêu trên nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông H phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: 5% của số tiền 202.220.000 đồng (hai trăm lẻ hai triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng) là 10.111.000 đồng (mười triệu một trăm mười một nghìn đồng).

Bà L không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 147, các khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thùy L.

Buộc ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thùy L số tiền 202.220.000 đồng (hai trăm lẻ hai triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng). Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị Thùy L không yêu cầu ông Nguyễn Văn H trả lãi đối với số tiền này.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí là 10.111.000 đồng (mười triệu một trăm mười một nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị Thùy L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.055.000 đồng (năm triệu không trăm năm mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011091 ngày 15/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, các đương sự được quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Đỗ Thị Mộng Tuyền